TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 18/2023/DS-ST Ngày: 06-3-2023 V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Tân Dân.

Ông Trần Minh Lực.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thân Tuyết A, sinh năm 1958 (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Ông Lê Thái H (Tên thường gọi: Bích), sinh năm 1971 (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Thân Tuyết A trình bày:

Vào ngày 27/12/2018 (âm lịch), bà Thân Tuyết A có cho ông Lê Thái H vay số tiền 100.000.000 đồng. Việc vay mượn có làm biên nhận cùng ngày. Hai bên thoả thuận thời hạn trả là trong vòng 01 tháng nhưng không ghi vào biên nhận. Đến ngày 07/9/2019 (âm lịch), ông H trả được cho bà A số tiền 50.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng đến nay vẫn chưa thanh toán. Do đó, bà A khởi kiện

yêu cầu ông H phải trả cho bà A số tiền 50.000.000 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bà A không có yêu cầu gì khác.

Theo Bản tự khai và quá trình tố tụng, bị đơn ông Lê Thái H trình bày:

Ông H thống nhất lời trình bày của bà A về việc vay mượn giữa hai bên. Ông H thừa nhận có vay của bà A số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 27/12/2018 (âm lịch), đã trả được 50.000.000 đồng nợ gốc vào ngày 07/9/2019 (âm lịch) và 48.000.000 đồng tiền lãi trong suốt quá trình vay. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà A, ông H đồng ý trả cho bà A số tiền 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế hiện tại khó khăn nên ông H xin được trả dần, bằng cách trả mỗi tháng 2.500.000 đồng, cho đến khi dứt nợ.

Ngoài ra, ông H không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông H giữ nguyên ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Thân Tuyết A: Bà A yêu cầu ông Lê Thái H phải trả cho bà A số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng xuất phát từ hợp đồng vay giữa hai bên vào ngày 27/12/2018 (âm lịch). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà A đã giao nộp 01 Văn bản có tiêu đề "Biên nhận" ngày 27/12/2018 thể hiện nội dung *"Con tên Bích (Lê Thái H) Ngày 27 tháng 12 năm 2018 âm lịch con có mượng Dì Tám 100.000.000 đ (Một trăm trăm triệu đồng)"*. Toàn bộ nội dung đều được ông H thừa nhận. Bích là tên thường gọi của ông H, Dì Tám là cách xưng hô giữa bà A và ông H. Mặt khác, bà A và ông H thống nhất ông H đã trả được nợ gốc với số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 07/9/2019 (âm lịch), chỉ còn nợ lại 50.000.000 đồng. Nay ông H đồng ý trả cho bà A số tiền 50.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà A là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về lãi suất chậm trả: Ông H trình bày ông đã trả được cho bà A tổng số tiền lãi là 48.000.000 đồng trong suốt thời gian vay. Tuy nhiên, ông H không có

yêu cầu gì đối với số tiền lãi đã trả và bà A không yêu cầu về lãi suất trong khoản thời gian chậm trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Ông H xin được trả dần mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng không được bà A đồng ý. Xét việc xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên tự thỏa thuận. Việc ông H chậm thanh toán nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi của bên có quyền, bà A đưa ra phương án trả nợ là có lợi cho ông H. Do đó yêu cầu của bà A buộc ông H trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 278 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà A được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố dụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí ông H phải nộp được xác định: 50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 278, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thân Tuyết A.

Buộc ông Lê Thái H có nghĩa vụ trả cho bà Thân Tuyết A số tiền 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng),* thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí:

Ông Lê Thái H phải nộp 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà A đã được miễn nộp tạm ứng án phí nên không phải hoàn lại.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thơm